

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN KRÔNG ANA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /03/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính							
				TT Buôn Tráp	Xã Dray Sáp	Xã Ea Na	Xã Ea Bông	Xã Băng Adrênh	Xã Dư Kmăl	Xã Bình Hoà	Xã Quảng Điền
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	89,27	35,28	12,16	3,00	6,43	6,53	19,90	5,17	0,80
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	11,37	3,00	0,14		5,43		2,70	0,10	
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>5,39</i>	<i>2,55</i>	<i>0,04</i>				<i>2,70</i>	<i>0,10</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	8,30	0,20	0,30	0,20	0,20	0,20	6,80	0,20	0,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	68,40	32,08	11,72	1,60	0,80	6,33	10,40	4,87	0,60
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,20			1,20					
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp										
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,06	0,06							